

PHỤ LỤC

Danh mục nhiệm vụ, chỉ tiêu triển khai thực hiện Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 10/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/01/2024 của Bộ Chính trị về “phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới”
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

TT	Nội dung/Chỉ tiêu	Mục tiêu 2030	Định hướng 2045	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
I. THỂ DỤC, THỂ THAO QUẦN CHÚNG						
1	Tỷ lệ người dân tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên	≥ 40%	≥ 47%	Sở VH TTDL	UBND các xã, phường; MTTQ, đoàn thể	2026-2045
2	Tỷ lệ hộ gia đình thể thao	≥ 28%	≥ 32%	Sở VH TTDL	UBND các xã, phường	2026-2045
3	Tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh bảo đảm chất lượng, hiệu quả	17-22 giải/năm	20-25 giải/năm	Sở VH TTDL	Các Sở, ban, ngành	Hàng năm
4	Tổ chức các giải thể thao cấp xã, phường bảo đảm thiết thực, hiệu quả	05-07 giải/năm	07-10 giải/năm	UBND các xã, phường		Hàng năm
5	Phát triển các câu lạc bộ thể dục, thể thao cơ sở	Tăng 5-7%/năm	Phấn đấu phủ kín 100% thôn, buôn	UBND các xã, phường	Sở VH TTDL	Hàng năm
6	Tổ chức Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân	100% địa phương tổ chức hoạt động	Duy trì thường niên, bảo đảm thiết thực, hiệu quả	UBND các xã, phường	Sở VH TTDL	Hàng năm
7	Phát triển thể thao cho người cao tuổi, người khuyết tật, công nhân lao động	100% địa phương tổ chức hoạt động phù hợp	Duy trì thường niên, mở rộng quy mô	Sở VH TTDL	Liên đoàn Lao động; UBND các xã, phường; Hội Người cao tuổi	Hàng năm

TT	Nội dung/Chỉ tiêu	Mục tiêu 2030	Định hướng 2045	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
II. GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỂ THAO TRƯỜNG HỌC						
1	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định chương trình giáo dục thể chất trong các cơ sở giáo dục	100% trường thực hiện	Nâng cao chất lượng, tiệm cận chuẩn quốc gia	Sở GD&ĐT	Sở VH TTDL	2026-2045
2	Trường học có câu lạc bộ thể thao hoạt động thường xuyên, hiệu quả	≥ 80%	100%	Sở GD&ĐT	UBND các xã, phường	2026-2045
3	Tỷ lệ học sinh đạt tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại thể lực theo quy định	≥ 95%	≥ 98%	Sở GD&ĐT	Sở VH TTDL, Sở Y tế	Hằng năm
4	Phổ cập bơi và kỹ năng phòng, chống đuối nước cho học sinh	≥ 50%	≥ 70%	Sở GD&ĐT	Sở VH TTDL	2026-2045
5	Ứng dụng công nghệ số trong quản lý, theo dõi thể lực học sinh	Triển khai thí điểm	Vận hành đồng bộ	Sở GD&ĐT	Các Sở, ban, ngành	2026-2045
6	Tổ chức Hội khỏe Phù Đổng các cấp theo chu kỳ	Theo quy định	Nâng cao chất lượng, hiệu quả	Sở GD&ĐT	Sở VH TTDL	Theo chu kỳ
III. THỂ DỤC THỂ THAO TRONG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG						
1	Tỷ lệ cán bộ, chiến sĩ đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo quy định của ngành	≥ 95%	Duy trì, ổn định	Bộ CHQS tỉnh; Công an tỉnh	Sở VH TTDL	2026-2045
2	Tổ chức các giải thể thao, hội thao trong lực lượng vũ trang	2-3 giải/năm	3-5 giải/năm	Bộ CHQS tỉnh; Công an tỉnh	Sở VH TTDL	Hằng năm
3	Vận động viên lực lượng vũ trang tham gia các giải thể thao ngành, toàn quốc	≥ 20 lượt VĐV/năm tham gia các giải	≥ 25 lượt VĐV/năm tham gia các giải	Bộ CHQS tỉnh; Công an tỉnh	Sở VH TTDL	Hằng năm
4	Tỷ lệ đơn vị lực lượng vũ trang có sân bãi, dụng cụ tập luyện thể dục, thể thao cơ bản	≥ 95% đơn vị	100%	Bộ CHQS tỉnh; Công an tỉnh	Sở Tài chính; Sở VH TTDL	2026-2045

TT	Nội dung/Chỉ tiêu	Mục tiêu 2030	Định hướng 2045	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
5	Tổ chức kiểm tra tiêu chuẩn thể lực định kỳ hằng năm	100%	Duy trì, thực hiện nghiêm	Bộ CHQS tỉnh; Công an tỉnh	Sở VHTTDL	Hằng năm
IV. THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO						
1	Xác định và tập trung đầu tư phát triển các môn thể thao trọng điểm của tỉnh (Boxing, Bắn cung, Bắn súng, Cử tạ, Điền kinh, Rowing)	6-8 môn	8-10 môn	Sở VHTTDL	Sở Tài chính; UBND các xã, phường; Các Hội, Liên đoàn thể thao và các đơn vị liên quan	2026-2045
2	Tổ chức tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên được triệu tập vào các đội tuyển quốc gia và tham gia thi đấu quốc tế	15-18 VĐV	20-25 VĐV	Sở VHTTDL	UBND các xã, phường; Các Hội, Liên đoàn thể thao và các đơn vị liên quan	2026-2045
3	Tham gia thi đấu các giải thể thao khu vực, toàn quốc và quốc tế	70-80 giải	90-100 giải	Sở VHTTDL	Sở Tài chính	Theo Kế hoạch
4	Đăng cai tổ chức các giải thể thao khu vực, quốc gia và quốc tế	05-10 giải	10-15 giải	Sở VHTTDL	Sở Tài chính	Theo Kế hoạch
5	Phát triển lực lượng vận động viên năng khiếu và đội tuyển thể thao của tỉnh	Tăng 10-15%	Ổn định 3 tuyến đào tạo	Sở VHTTDL	Sở GD&ĐT; UBND các xã, phường	2026-2045
6	Phát triển đội ngũ huấn luyện viên đạt chuẩn chuyên môn	Bảo đảm đủ theo định mức	Nâng cao trình độ, chuẩn hóa	Sở VHTTDL	Sở Nội vụ	2026-2045
7	Số huy chương đạt được tại các giải thể thao khu vực, toàn quốc và quốc tế	200 huy chương các loại/năm	Tăng hằng năm, có huy chương quốc tế	Sở VHTTDL	Các Hội, Liên đoàn thể thao	Hằng năm

TT	Nội dung/Chỉ tiêu	Mục tiêu 2030	Định hướng 2045	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
8	Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, y học thể thao trong huấn luyện, dinh dưỡng và hồi phục	Triển khai tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao	Vận hành chuyên sâu	Sở VHTTDL		2026-2045
9	Hợp tác đào tạo vận động viên với Trung tâm HLTT Quốc gia và Trung tâm HLTT mạnh trong nước	Duy trì hợp tác	Mở rộng hợp tác	Sở VHTTDL		2026-2045
V. CƠ SỞ VẬT CHẤT - THIẾT CHẾ THỂ THAO						
1	Quy hoạch, bố trí và quản lý quỹ đất dành cho thể dục, thể thao theo quy định	Đảm bảo theo quy hoạch	Đồng bộ, hiện đại	Sở Xây dựng	Sở NNMT; Sở VHTTDL; UBND các xã, phường	2026-2030; duy trì
2	Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp sân vận động Buôn Ma Thuột đủ điều kiện tổ chức thi đấu các giải thể thao quốc gia và quốc tế	Đảm bảo theo quy hoạch	Đồng bộ, hiện đại	Sở Tài chính	Sở VHTTDL; các Sở, ban, ngành liên quan	2026-2045
3	Đầu tư xây dựng Khu liên hợp thể thao vùng Tây Nguyên	Đảm bảo theo quy hoạch	Đồng bộ, hiện đại	Sở Tài chính	Sở VHTTDL; các Sở, ban, ngành liên quan	2026-2045
4	Xã có công trình thể dục, thể thao cơ bản được đầu tư xây dựng và thường xuyên nâng cấp, bảo trì	≥ 70%	100% đạt chuẩn	UBND các xã, phường	Sở Tài chính; các Sở, ban, ngành liên quan	2026-2045
5	Đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao	Hoàn thành nâng cấp	Hiện đại hóa	Sở VHTTDL	Sở Tài chính	2026-2045
VI. NGUỒN LỰC, XÃ HỘI HÓA VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC						
1	Đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội hóa đầu tư phát triển thể dục, thể thao	Tăng hằng năm	Giữ vai trò quan trọng trong tổng nguồn lực đầu tư	Sở VHTTDL	Sở Tài chính; các Sở, ban, ngành liên quan	2026-2045

TT	Nội dung/Chỉ tiêu	Mục tiêu 2030	Định hướng 2045	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
2	Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù và chế độ đãi ngộ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao, bảo đảm đồng bộ, phù hợp với thực tiễn và quy định của Trung ương; qua đó tạo điều kiện thu hút, đào tạo và phát triển nguồn huấn luyện viên, vận động viên có thành tích cao	Bảo đảm theo quy định của Trung ương và của tỉnh	Tiếp tục hoàn thiện, ổn định và phù hợp thực tiễn	Sở VHTTDL	Sở Tài chính; các Sở, ban, ngành liên quan	Hàng năm
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu số và thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực thể dục, thể thao	Hoàn thành nền tảng quản lý số	Vận hành đồng bộ	Sở VHTTDL	Các Sở, ban, ngành liên quan	2026-2030
4	Kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động bộ máy quản lý thể dục, thể thao cấp xã	100%	Hoạt động chuyên nghiệp	Sở VHTTDL	Sở Nội vụ; UBND các xã, phường	2026-2045
5	Thành lập mới, phát triển tổ chức Hội, Liên đoàn, Câu lạc bộ thể thao cấp tỉnh	Kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động	Hoạt động ổn định	Sở VHTTDL	Sở Nội vụ	2026-2045
6	Phát triển kinh tế thể thao, dịch vụ thể thao	Hoàn thiện và phát triển mô hình dịch vụ thể dục, thể thao quy mô cấp tỉnh	Phát triển đa dạng, chuyên nghiệp	Sở VHTTDL	Các Hội, Liên đoàn thể thao	2026-2045